

Sơn La, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách Nhà nước Quý I của Văn phòng Sở Nội vụ

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách năm 2025; Quyết định số 4789/QĐ-SNV ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2025 của Văn phòng Nội vụ (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Chánh Thanh tra Sở; Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Công thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, KT (Th01b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Tịnh

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH QUÍ I NĂM 2025

Dvt: Triệu đồng

S TT	Nội dung	Dự toán cả năm	Thực hiện quý I	So sánh%	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
c	Kinh phí chi cải cách tiền lương				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	51.098	6.872	13.44	182.4
1	Chi quản lý hành chính	51.098	6.872	13.44	182.4
1.1	Văn phòng Sở Nội vụ	51.098	6.872	13.44	182.4
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.470	3.321	24.6	130
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	37.555	3.551	9.4	89
c	KP bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tôn giáo	73	0	0	0
d	Kinh phí chi cải cách tiền lương				
2	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo				